



Công ty Cổ phần Xây dựng số 3

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2015

Công ty Cổ phần Xây dựng số 3
Thông tin về Công ty

Giấy chứng nhận

Đăng ký Kinh doanh số 0101311837

ngày 17 tháng 9 năm 2002

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0101311837 ngày 31 tháng 7 năm 2015. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Thanh Phương

Chủ tịch (*từ ngày 29/7/2015*)

Thành viên (*từ ngày 27/7/2015*

đến ngày 29/7/2015)

Ông Đinh Tiến Nhượng

Chủ tịch (*đến ngày 29/7/2015*)

Ông Nguyễn Ngọc Quỳnh

Thành viên (*từ ngày 27/7/2015*)

Ông Nguyễn Hoài Anh

Thành viên (*từ ngày 28/7/2015*)

Ông Lê Quang Đức

Thành viên (*từ ngày 28/7/2015*)

Bà Đái Ngân Hà

Thành viên (*đến ngày 27/7/2015*)

Ông Nguyễn Lưu Thụy

Thành viên (*đến ngày 27/7/2015*)

Ông Vũ Quý Hà

Thành viên (*đến ngày 28/7/2015*)

Ông Nguyễn Nam Hải

Thành viên (*đến ngày 28/7/2015*)

Ban Giám đốc

Ông Đinh Tiến Nhượng

Tổng Giám đốc (*từ ngày 29/7/2015*)

Ông Nguyễn Nam Hải

Tổng Giám đốc (*đến ngày 29/7/2015*)

Ông Phạm Thế Dũng

Phó Tổng Giám đốc

Ông Lê Việt Bằng

Phó Tổng Giám đốc

Bà Nguyễn Thị Diệu Hằng

Phó Tổng Giám đốc

Trụ sở đăng ký

249 Đường Hoàng Quốc Việt
Quận Cầu Giấy, Hà Nội
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Xây dựng số 3
Báo cáo của Ban Lãnh đạo

Ban Lãnh đạo Công ty Cổ phần Xây dựng số 3 (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm của Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015.

Ban Lãnh đạo Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ, các quy định có liên quan của Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Lãnh đạo Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được trình bày từ trang 4 đến trang 46 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ, các quy định có liên quan của Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Lãnh đạo Công ty cho rằng Công ty và công ty con sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Lãnh đạo Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.



Thay mặt Ban Lãnh đạo
Nguyễn Thanh Phương
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Hà Nội, ngày 28 tháng 8 năm 2015

**KPMG Limited**

46th Floor, Keangnam Hanoi Landmark Tower, 72-Storey Building,
Plot E6, Pham Hung Street, Cau Giay New Urban Area,
Me Tri Ward, South Tu Liem District, Hanoi City
The Socialist Republic of Vietnam

Telephone +84 (4) 3946 1600
Fax +84 (4) 3946 1601
Internet www.kpmg.com.vn

KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Xây dựng số 3

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Xây dựng số 3 (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Lãnh đạo Công ty phê duyệt phát hành ngày 28 tháng 8 năm 2015, được trình bày từ trang 4 đến 46. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này là trách nhiệm của Ban Lãnh đạo Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra báo cáo soát xét về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam số 910 - Công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công tác soát xét để có được sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính. Công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng, báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Xây dựng số 3 tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ, các quy định có liên quan của Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính giữa niên độ.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 và giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 được kiểm toán và soát xét bởi một công ty kiểm toán khác, và công ty kiểm toán này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần và kết luận soát xét chấp nhận toàn phần với một vấn đề cần nhấn mạnh liên quan đến lợi nhuận tạm xác định từ hợp đồng liên danh Dự án 310 Minh Khai lần lượt trong báo cáo kiểm toán ngày 9 tháng 3 năm 2015 và báo cáo soát xét ngày 19 tháng 8 năm 2014.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Giấy chứng nhận đầu tư số: 011043000345

Báo cáo soát xét số: 15-02-197-a



Đàm Xuân Lâm

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0861-2013-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 8 năm 2015

Lê Việt Hùng

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0296-2013-007-1

Công ty Cổ phần Xây dựng số 3**Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2015****Mẫu B 01a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2015 VND	1/1/2015 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		935.029.387.749	954.736.905.400
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	6	144.923.203.560	179.520.842.383
Tiền	111		11.223.203.560	18.340.842.383
Các khoản tương đương tiền	112		133.700.000.000	161.180.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	7(a)	86.300.000.000	600.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		86.300.000.000	600.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		222.768.682.463	271.530.764.609
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	8	133.889.031.201	132.240.386.666
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		45.127.235.436	59.734.272.588
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		13.000.000.000	13.000.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	9	60.007.785.057	95.362.561.365
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(29.255.369.231)	(28.806.456.010)
Hàng tồn kho	140	11	472.341.104.928	497.479.904.418
Hàng tồn kho	141		476.205.638.275	497.522.897.387
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(3.864.533.347)	(42.992.969)
Tài sản ngắn hạn khác	150		8.696.396.798	5.605.393.990
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		346.004.576	84.553.553
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	19(a)	8.350.392.222	5.520.840.437

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Xây dựng số 3

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2015 VND	1/1/2015 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	200		340.809.483.260	342.905.866.522
Các khoản phải thu dài hạn	210		83.722.640	83.722.640
Phải thu dài hạn khác	216		83.722.640	83.722.640
Tài sản cố định	220		30.484.564.252	31.879.317.451
Tài sản cố định hữu hình	221	12	26.938.666.047	28.273.910.302
<i>Nguyên giá</i>	222		78.177.825.242	77.793.930.331
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(51.239.159.195)	(49.520.020.029)
Tài sản cố định vô hình	227	13	3.545.898.205	3.605.407.149
<i>Nguyên giá</i>	228		4.690.894.383	4.690.894.383
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(1.144.996.178)	(1.085.487.234)
Bất động sản đầu tư	230	14	62.276.275.724	63.963.348.724
<i>Nguyên giá</i>	231		93.874.132.392	93.874.132.392
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		(31.597.856.668)	(29.910.783.668)
Tài sản dở dang dài hạn	240		219.056.180.325	217.335.235.576
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241	15	217.490.782.189	215.769.837.440
Xây dựng cơ bản dở dang	242	16	1.565.398.136	1.565.398.136
Đầu tư tài chính dài hạn	250	7(b)	25.410.259.528	25.410.259.528
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		35.769.176.000	35.769.176.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(10.358.916.472)	(10.358.916.472)
Tài sản dài hạn khác	260		3.498.480.791	4.233.982.603
Chi phí trả trước dài hạn	261	17	3.498.480.791	4.233.982.603
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.275.838.871.009	1.297.642.771.922

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Xây dựng số 3**Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)****Mẫu B 01a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2015 VND	1/1/2015 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		1.070.809.679.604	1.084.942.965.920
Nợ ngắn hạn	310		791.235.588.660	795.600.319.909
Phải trả người bán ngắn hạn	311	18	14.424.206.155	38.636.293.257
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		708.535.981.371	681.568.899.597
Thuế và các khoản phải nộp				
Nhà nước	313	19	2.608.899.612	8.560.451.854
Phải trả người lao động	314		2.008.777.323	7.883.362.323
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	20	13.262.334.643	17.146.779.055
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	21(a)	3.183.090.000	3.183.090.000
Phải trả ngắn hạn khác	319	22(a)	43.343.448.046	35.483.805.313
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	23	3.868.851.510	3.137.638.510
Nợ dài hạn	330		279.574.090.944	289.342.646.011
Phải trả người bán dài hạn	331	18	63.138.905.467	81.373.083.879
Người mua trả tiền trước dài hạn	332		154.153.506.598	150.365.563.273
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	21(b)	49.702.895.154	51.294.440.154
Phải trả dài hạn khác	337	22(b)	12.086.900.000	5.310.000.000
Dự phòng phải trả dài hạn	342		491.883.725	999.558.705

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Xây dựng số 3**Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)****Mẫu B 01a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2015 VND	1/1/2015 VND
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		205.029.191.405	212.699.806.002
Vốn chủ sở hữu	410	24	205.029.191.405	212.699.806.002
Vốn cổ phần	411	25	80.000.000.000	80.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		80.000.000.000	80.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		54.018.600.532	54.018.600.532
Cổ phiếu quỹ	415	25	(2.395.834.172)	(2.395.834.172)
Quỹ đầu tư và phát triển	418	27	61.571.884.861	61.571.884.861
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	27	56.608.219	88.108.219
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		11.777.931.965	19.417.046.562
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		3.740.346.562	1.841.174.810
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		8.037.585.403	17.575.871.752
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1.275.838.871.009	1.297.642.771.922

Ngày 28 tháng 8 năm 2015

Người lập:

Lê Cao Khả
Người lập biểu

Người duyệt:

Nguyễn Văn Hiếu
Kế toán trưởngNguyễn Thanh Phương
Chủ tịch Hội đồng Quản trị*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này*

Công ty Cổ phần Xây dựng số 3

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

Mẫu B 02a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2015 VND	30/6/2014 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	29	208.959.379.284	209.265.969.865
Giá vốn hàng bán	11	30	193.815.145.531	187.281.988.361
Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)	20		15.144.233.753	21.983.981.504
Doanh thu hoạt động tài chính	21	31	3.819.509.289	744.963.921
Chi phí tài chính	22		-	2.240.301.391
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-	2.240.301.391
Chi phí bán hàng	25		922.796.440	842.592.216
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	32	8.784.072.069	10.610.331.992
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		9.256.874.533	9.035.719.826
Thu nhập khác	31		1.052.600.056	671.176.409
Chi phí khác	32		5.948.662	141.029.121
Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		1.046.651.394	530.147.288
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		10.303.525.927	9.565.867.114
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	0	2.265.940.524	2.012.090.765
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)	60		8.037.585.403	7.553.776.349
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	35	1.013	952

Ngày 28 tháng 8 năm 2015

Người lập:



Lê Cao Khả
Người lập biểu

Người duyệt:



Nguyễn Văn Hiếu
Kế toán trưởng



Nguyễn Thanh Phương
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Xây dựng số 3
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2015 VND	30/6/2014 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		10.303.525.927	9.565.867.114
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		3.927.420.744	3.929.626.033
Các khoản dự phòng	03		4.270.453.599	5.165.438.606
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(4.139.377.471)	(1.244.537.610)
Chi phí lãi vay	06		-	2.240.301.391
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		14.362.022.799	19.656.695.534
Biến động các khoản phải thu	09		46.543.532.028	(31.042.512.721)
Biến động hàng tồn kho	10		19.596.314.363	15.585.523.726
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		(23.595.507.337)	247.756.680.811
Biến động chi phí trả trước	12		474.050.789	(1.682.852.295)
			57.380.412.642	250.273.535.055
Tiền lãi vay đã trả	14		(46.887.289)	(8.347.630.570)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(4.881.070.234)	(4.329.281.745)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(3.583.961.980)	(1.425.273.650)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		48.868.493.139	236.171.349.090
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm tài sản cố định	21		(845.594.545)	(296.638.000)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22		319.868.182	300.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn	23		(85.700.000.000)	-
Tiền thu lãi lãi tiền gửi, lãi cho vay và cổ tức	27		2.759.594.401	800.142.056
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(83.466.131.962)	803.504.056

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Xây dựng số 3
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2015 VND	30/6/2014 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ đi vay	33		-	7.093.819.350
Tiền trả nợ gốc vay	34		-	(210.727.606.867)
Tiền trả cổ tức	36		-	(3.858.149.450)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	(207.491.936.967)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50		(34.597.638.823)	29.482.916.179
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	6	179.520.842.383	4.119.704.464
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60)	70	6	144.923.203.560	33.602.620.643

Ngày 28 tháng 8 năm 2015

Người lập:



Lê Cao Khả
 Người lập biểu

Người duyệt:



Nguyễn Văn Hiếu
 Kế toán trưởng



Nguyễn Thanh Phương
 Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Xây dựng số 3

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xây dựng số 3 (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 bao gồm Công ty và công ty con.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty và công ty con là:

- Nhận thầu xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp, buro điện, các công trình thủy lợi, giao thông đường bộ các cấp, sân bay, bến cảng, cầu, cống, các công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị và khu công nghiệp, các công trình đường dây và trạm biến thế 110KV;
- Thi công san lấp nền móng, xử lý nền đất yếu, các công trình xây dựng cấp thoát nước, lắp đặt đường ống, công nghệ và áp lực, điện lạnh, trang trí nội ngoại thất, gia công, lắp đặt khung nhôm kính các loại;
- Xây dựng và kinh doanh nhà, cho thuê văn phòng, kinh doanh bất động sản, khách sạn, du lịch;
- Lắp đặt các loại kết cấu bê tông, cấu kiện thép, các hệ thống kỹ thuật công trình, các loại máy móc, thiết bị (thang máy, điều hoà, thông gió, phòng cháy, chữa cháy, cấp thoát nước);
- Sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng: gạch, ngói, cát, sỏi, xi măng, tấm lợp, gỗ dung trong xây dựng, sản xuất đồ gỗ hàng tiêu dùng;
- Tư vấn đầu tư xây dựng, thực hiện các dự án đầu tư;
- Dịch vụ cho thuê, sửa chữa bảo dưỡng xe máy, kinh doanh thiết bị xây dựng và kinh doanh xuất nhập khẩu thủ công mỹ nghệ hàng nông lâm, thủy sản, hàng tiêu dùng;
- Đầu tư xây dựng và kinh doanh chợ;
- Thực hiện các dự án đầu tư chợ; và
- Quản lý và khai thác chợ.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty và công ty con nằm trong phạm vi 12 tháng.

Công ty Cổ phần Xây dựng số 3
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, Công ty có 1 công ty con (1/1/2015: 1 công ty con) như sau:

	Địa chỉ	% sở hữu	% quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Đầu tư và Khai thác chợ B.O.T	Hà Nội	100%	100%

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, Công ty và công ty con có 797 nhân viên (1/1/2015: 1.491 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này được lập theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ, các quy định có liên quan của Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính giữa niên độ.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty và công ty con là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty và công ty con là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Công ty Cổ phần Xây dựng số 3
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

3. Áp dụng Hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp mới ban hành

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp (“Thông tư 200”). Thông tư 200 thay thế cho quy định về Chế độ Kế toán Doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 200 có hiệu lực sau 45 ngày kể từ ngày ký và áp dụng cho kỳ kế toán năm bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Cùng ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất (“Thông tư 202”). Thông tư 202 thay thế cho các hướng dẫn trước đây trong phần XIII Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính. Thông tư 202 cũng có hiệu lực sau 45 ngày kể từ ngày ký và áp dụng cho kỳ kế toán năm bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, Công ty và công ty con đã áp dụng phi hồi tố các quy định của Thông tư 200 và Thông tư 202. Những thay đổi quan trọng trong chính sách kế toán của Công ty và công ty con và các ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty, nếu có, được trình bày trong thuyết minh báo cáo tài chính sau đây:

- Ghi nhận chênh lệch tỷ giá hối đoái (Thuyết minh 4(b));
- Khấu hao của bất động sản đầu tư năm giữ chờ tăng giá (Thuyết minh 4(i)); và
- Lãi trên cổ phiếu (Thuyết minh 4(t)).

4. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty và công ty con áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty. Báo cáo tài chính của công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

(ii) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư trong nội bộ công ty và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Công ty Cổ phần Xây dựng số 3

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá thực tế áp dụng cho các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua bán ngoại tệ giữa Công ty, công ty con và ngân hàng thương mại.
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty và công ty con nhận tiền từ khách hàng hoặc đối tác.
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty và công ty con dự kiến thanh toán khoản phải trả đó.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí thanh toán ngay bằng ngoại tệ, tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá mua của ngân hàng nơi Công ty và công ty con thực hiện thanh toán.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày lập báo cáo tài chính được xác định như sau:

- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ là tài sản (tiền mặt và phải thu): dùng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty và công ty con thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tiền gửi ngân hàng bằng ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua ngoại tệ của chính ngân hàng nơi Công ty và công ty con gửi tiền hoặc mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ là nợ phải trả: dùng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty và công ty con thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

Công ty Cổ phần Xây dựng số 3

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(d) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Lãnh đạo Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi mà bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

(ii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty và công ty con khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(e) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc của dự án bất động sản được tính theo phương pháp thực tế đích danh và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với dự án bất động sản, giá gốc bao gồm quyền sử dụng đất, chi phí phát triển đất và cơ sở hạ tầng và chi phí xây dựng. Giá gốc của các nhóm hàng tồn kho khác được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Công ty và công ty con áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Công ty Cổ phần Xây dựng số 3
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	5 – 25 năm
▪ máy móc và thiết bị	6 – 10 năm
▪ dụng cụ văn phòng	3 – 10 năm
▪ phương tiện vận chuyển	6 – 10 năm

(h) Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất thể hiện quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng 50 năm.

(i) Bất động sản đầu tư

(i) Bất động sản đầu tư cho thuê

Nguyên giá

Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư cho thuê bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi ban quản lý. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ bất động sản đầu tư cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư cho thuê.

Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	22 – 30 năm
-----------	-------------

Công ty Cổ phần Xây dựng số 3

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá

Trước ngày 1 tháng 1 năm 2015, bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá được kế toán tương tự như đối với bất động sản đầu tư cho thuê. Kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, do áp dụng Thông tư 200, bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá không được tiếp tục trích khấu hao nữa. Giá trị ghi sổ của bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá sẽ được ghi giảm nếu có bằng chứng cho thấy giá thị trường của bất động sản đầu tư giảm xuống thấp hơn giá trị ghi sổ của bất động sản này và giá trị khoản tồn thất có thể xác định được một cách đáng tin cậy. Khoản ghi giảm giá trị của bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá được tính vào giá vốn hàng bán.

(j) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng chưa được hoàn thành. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng.

(k) Giá trị hợp đồng xây dựng dở dang

Giá trị hợp đồng xây dựng dở dang được phản ánh theo giá vốn cộng với lợi nhuận ước tính cho đến thời điểm kết thúc kỳ kế toán. Giá vốn phản ánh các khoản chi phí liên quan trực tiếp và có thể tính vào giá thành theo hợp đồng xây dựng. Khoản chênh lệch của giá trị hợp đồng xây dựng cơ bản dở dang cao hơn hoặc thấp hơn so với thanh toán theo tiến độ kế hoạch và tạm ứng từ khách hàng được thể hiện là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng.

(l) Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty và công ty con nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian ba năm.

(m) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

(n) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty và công ty con có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Công ty Cổ phần Xây dựng số 3

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(i) Chi phí bảo hành

Khoản dự phòng về chi phí bảo hành liên quan chủ yếu tới hàng hóa đã bán ra và dịch vụ đã cung cấp trong kỳ kế toán. Khoản dự phòng được lập dựa trên ước tính xuất phát từ các dữ liệu thống kê lịch sử về chi phí bảo hành đã phát sinh liên quan tới các sản phẩm và dịch vụ tương tự.

(ii) Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Ngày 14 tháng 8 năm 2003, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 82/2003/TT-BTC (“Thông tư 82”) hướng dẫn trích lập, quản lý, sử dụng và hạch toán Quỹ dự phòng về trợ cấp mất việc làm tại doanh nghiệp. Theo đó, quỹ dự phòng về trợ cấp mất việc làm dùng để chi trợ cấp thôi việc và được trích lập ở mức từ 1% - 3% trên quỹ tiền lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội của doanh nghiệp. Trước ngày 1 tháng 1 năm 2009, Công ty và công ty con trích lập dự phòng trợ cấp thôi việc theo quy định của Thông tư 82.

Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Công ty, công ty con và các nhân viên phải đóng vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp, Công ty và công ty con không phải trả dự phòng trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của nhân viên sau ngày 1 tháng 1 năm 2009. Khoản trợ cấp thôi việc phải trả cho các nhân viên đủ điều kiện hiện có tại thời điểm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 sẽ được xác định dựa trên số năm làm việc của nhân viên được tính đến 31 tháng 12 năm 2008 và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước thời điểm thôi việc.

(o) Vốn cổ phần

(i) Cổ phiếu phổ thông

Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(ii) Mua lại và phát hành lại cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu quỹ)

Khi mua lại cổ phiếu đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi giảm vào vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu đã mua lại được phân loại là cổ phiếu quỹ trong phần vốn chủ sở hữu. Khi cổ phiếu quỹ được bán ra sau đó (phát hành lại), giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Chênh lệch giữa giá trị khoản nhận được và giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được trình bày trong thặng dư vốn cổ phần.

Công ty Cổ phần Xây dựng số 3

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(p) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hợp nhất của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(q) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu hàng bán được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(ii) Doanh thu bán bất động sản

Doanh thu bán bất động sản được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất khi thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau:

- Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, Công ty đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

Công ty Cổ phần Xây dựng số 3

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(iii) Cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc niên độ. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iv) Hợp đồng xây dựng

Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo giá trị khối lượng thực hiện đã được khách hàng xác nhận theo từng lần nghiệm thu và lập phiếu giá thanh toán. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố trọng yếu không chắc chắn liên quan đến khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(v) Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

(vi) Doanh thu từ tiền lãi

Doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(vii) Doanh thu từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(r) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(s) Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí vay thì khi đó chi phí vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

Công ty Cổ phần Xây dựng số 3

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(t) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ.

Trước ngày 1 tháng 1 năm 2015, lãi thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty bao gồm cả số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi, nếu có. Kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, lãi thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty được xác định sau khi trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi. Thay đổi chính sách kế toán này được áp dụng phi hồi tố.

(u) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty và công ty con tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty và công ty con dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

(v) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan đề cập đến công ty mẹ (Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam) và các công ty con và công ty liên kết của công ty mẹ.

Công ty Cổ phần Xây dựng số 3
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

5. Báo cáo bộ phận theo hoạt động kinh doanh

Công ty và công ty con gồm các bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh chính như sau:

- Kinh doanh bất động sản;
- Xây lắp; và
- Các hoạt động khác.

	Bất động sản		Xây lắp		Các hoạt động khác		Tổng cộng	
	30/6/2015 VND	30/6/2014 VND	30/6/2015 VND	30/6/2014 VND	30/6/2015 VND	30/6/2014 VND		
Tổng doanh thu của bộ phận	115.497.581.199	151.162.105.806	62.336.446.028	28.744.239.835	31.125.352.057	29.359.624.224	208.959.379.284	209.265.969.865
Kết quả kinh doanh của bộ phận	16.307.505.206	17.235.823.539	(1.858.737.342)	1.492.096.643	695.465.889	3.256.061.322	15.144.233.753	21.983.981.504
Chi phí không phân bổ					9.706.868.509		9.706.868.509	11.452.924.208
Kết quả từ các hoạt động kinh doanh					5.437.365.244		5.437.365.244	10.531.057.296
Doanh thu tài chính					3.819.509.289		3.819.509.289	744.963.921
Chi phí tài chính					-		-	2.240.301.391
Lãi từ hoạt động khác					1.046.651.394		1.046.651.394	530.147.288
Thuế thu nhập doanh nghiệp					2.265.940.524		2.265.940.524	2.012.090.765
Lợi nhuận thuần sau thuế					8.037.585.403		8.037.585.403	7.553.776.349

Công ty Cổ phần Xây dựng số 3

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Bất động sản		Xây lắp		Các hoạt động khác		Tổng cộng	
	30/6/2015 VND	30/6/2014 VND	30/6/2015 VND	30/6/2014 VND	30/6/2015 VND	30/6/2014 VND	30/6/2015 VND	30/6/2014 VND
Tài sản của bộ phận	801.828.607.404	860.020.329.852	175.314.043.240	185.027.880.628	31.589.564.039	39.697.371.372	1.008.732.214.683	1.084.745.581.852
Tài sản không phân bổ							267.106.656.326	212.897.190.070
Tổng tài sản							1.275.838.871.009	1.297.642.771.922
Nợ phải trả của bộ phận	938.412.728.084	924.412.757.091	103.740.210.802	92.242.722.422	21.687.105.871	11.612.942.025	1.063.840.044.757	1.028.268.421.538
Các khoản nợ không phân bổ							8.978.412.170	56.674.544.382
Tổng nợ phải trả							1.070.809.679.604	1.084.942.965.920
	Bất động sản		Xây lắp		Các hoạt động khác		Tổng cộng	
	30/6/2015 VND	30/6/2014 VND	30/6/2015 VND	30/6/2014 VND	30/6/2015 VND	30/6/2014 VND	30/6/2015 VND	30/6/2014 VND
Chi tiêu vốn	845.594.545	296.638.000	-	-	-	-	845.594.545	296.638.000
Khấu hao tài sản cố định hữu hình	2.180.838.800	2.183.044.089	-	-	-	-	2.180.838.800	2.183.044.089
Khấu hao tài sản cố định vô hình	59.508.944	59.508.944	-	-	-	-	59.508.944	59.508.944
Khấu hao bất động sản đầu tư	-	-	1.687.073.000	1.687.073.000	-	-	1.687.073.000	1.687.073.000

Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý vì Ban Lãnh đạo Công ty xác định rằng, hiện tại Công ty và công ty con hoạt động trong một bộ phận chia theo vùng địa lý duy nhất đó là trong lãnh thổ Việt Nam.

Công ty Cổ phần Xây dựng số 3
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

6. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2015	1/1/2015
	VND	VND
Tiền mặt	845.906.024	1.124.289.196
Tiền gửi ngân hàng	10.377.297.536	17.216.553.187
Các khoản tương đương tiền	133.700.000.000	161.180.000.000
	<hr/>	<hr/>
	144.923.203.560	179.520.842.383
	<hr/>	<hr/>

7. Các khoản đầu tư tài chính

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/6/2015		1/1/2015	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND
Tiền gửi có kỳ hạn	86.300.000.000	86.300.000.000	600.000.000	600.000.000
	<hr/>			

Công ty Cổ phần Xây dựng số 3

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	30/6/2015								
	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND			
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác:									
▪ Công ty Tài chính Cổ phần Vinaconex – Viettel	2.000.000	2%	2%	20.000.000.000	-	(*)			
▪ Công ty Cổ phần Xây dựng số 11	850.000	9,1%	9,1%	9.775.000.000	8.575.000.000	(*)			
▪ Công ty Cổ phần Ông sọt thủy tỉnh Vinaconex	350.000	10,94%	10,94%	3.500.000.000	-	(*)			
▪ Công ty Cổ phần Xi măng Yên Bình	250.000	0,94%	0,94%	2.494.176.000	1.783.916.472	(*)			
				35.769.176.000	10.358.916.472				

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác:

- Công ty Tài chính Cổ phần Vinaconex – Viettel
- Công ty Cổ phần Xây dựng số 11
- Công ty Cổ phần Ông sọt thủy tỉnh Vinaconex
- Công ty Cổ phần Xi măng Yên Bình

	1/1/2015								
	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND			
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác:									
▪ Công ty Tài chính Cổ phần Vinaconex – Viettel	2.000.000	2%	2%	20.000.000.000	-	(*)			
▪ Công ty Cổ phần Xây dựng số 11	850.000	9,1%	9,1%	9.775.000.000	8.575.000.000	(*)			
▪ Công ty Cổ phần Ông sọt thủy tỉnh Vinaconex	350.000	10,94%	10,94%	3.500.000.000	-	(*)			
▪ Công ty Cổ phần Xi măng Yên Bình	250.000	0,94%	0,94%	2.494.176.000	1.783.916.472	(*)			
				35.769.176.000	10.358.916.472				

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác:

- Công ty Tài chính Cổ phần Vinaconex – Viettel
- Công ty Cổ phần Xây dựng số 11
- Công ty Cổ phần Ông sọt thủy tỉnh Vinaconex
- Công ty Cổ phần Xi măng Yên Bình

(*) Công ty và công ty con chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Công ty Cổ phần Xây dựng số 3

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

8. Phải thu của khách hàng

(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn

	30/6/2015	1/1/2015
	VND	VND
Sở Xây dựng Thái Bình	24.369.371.800	24.369.371.800
Các khách hàng khác	109.519.659.401	107.871.014.866
	<hr/>	<hr/>
	133.889.031.201	132.240.386.666
	<hr/>	<hr/>

(b) Phải thu của khách hàng phân loại theo kỳ hạn thanh toán

	30/6/2015	1/1/2015
	VND	VND
Ngắn hạn	133.889.031.201	132.240.386.666
	<hr/>	<hr/>

(c) Phải thu của khách hàng là công ty liên quan

	30/6/2015	1/1/2015
	VND	VND
Công ty mẹ - Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	2.107.928.365	2.107.928.365
	<hr/>	<hr/>

Khoản phải thu thương mại từ công ty mẹ không có đảm bảo, không chịu lãi và hạn hoàn trả khi có yêu cầu.

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

9. Phải thu ngắn hạn khác

	30/6/2015 VND	1/1/2015 VND
Công ty TNHH Một thành viên Mai Động (i)	11.198.454.622	11.198.454.622
• <i>Tạm ứng lợi nhuận từ hoạt động liên danh</i>	24.550.000.000	24.550.000.000
• <i>Lãi cho vay</i>	4.561.658.000	4.561.658.000
• <i>Di dời cơ sở sản xuất, giải phóng mặt bằng</i>		
• <i>Dự án 310 Minh Khai</i>	19.379.905.000	19.379.905.000
• <i>Phải thu khác</i>	11.272.561.000	11.272.561.000
• <i>Bù trừ lợi nhuận phải trả từ Tòa nhà 21 tầng – Dự án Minh Khai</i>	(29.484.420.264)	(29.484.420.264)
• <i>Bù trừ lợi nhuận phải trả từ Tòa nhà 15T1 và 15T2 – Dự án Minh Khai (ii)</i>	(19.081.249.114)	(19.081.249.114)
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư – Xây dựng HJC (i)	2.930.472.638	2.930.472.638
• <i>Tạm ứng lợi nhuận từ hoạt động liên danh</i>	10.000.000.000	10.000.000.000
• <i>Bù trừ lợi nhuận phải trả từ Tòa nhà 15T1 và 15T2 – Dự án Minh Khai (ii)</i>	(7.069.527.362)	(7.069.527.362)
Lãi tiền gửi	1.518.249.999	458.335.111
Phải thu các đội xây dựng (iii)	43.829.821.209	80.618.416.400
Phải thu khác	530.786.589	156.882.594
	<hr/>	<hr/>
	60.007.785.057	95.362.561.365

- (i) Công ty TNHH Một thành viên Mai Động và Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư – Xây dựng HJC là các bên liên danh với Công ty để thực hiện Dự án 310 Minh Khai. Căn cứ Hợp đồng liên danh số 135LD/CT3 ngày 20 tháng 9 năm 2008 giữa Công ty TNHH Một thành viên Mai Động và Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư – Xây dựng HJC với Công ty, các bên tham gia góp vốn để cùng thực hiện Dự án 310 Minh Khai, Thành phố Hà Nội. Ba bên thỏa thuận việc phân chia lợi nhuận hoặc rủi ro thông qua việc thực hiện hợp đồng như sau: Công ty TNHH Một thành viên Mai Động: 40%; Công ty Cổ phần Xây dựng số 3: 45% và Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư – Xây dựng HJC: 15%.
- (ii) Bù trừ với phần lợi nhuận phải trả cho Công ty TNHH Một thành viên Mai Động và Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư – Xây dựng HJC sau khi bán 168 căn hộ của Tòa nhà 15T2 và 145 căn hộ của Tòa nhà 15T1 thuộc Dự án 310 Minh Khai.
- (iii) Phải thu các đội xây dựng là các khoản ứng trước cho các Chủ nhiệm công trình của Công ty dựa trên hợp đồng giao khoán ký giữa Chủ nhiệm và Công ty, liên quan đến các công trình xây dựng do Công ty là nhà thầu thực hiện. Các khoản phải thu này sẽ được chuyển sang chi phí sản xuất kinh doanh dở dang khi các chi phí phát sinh có đủ chứng từ hợp lệ và được Công ty phê duyệt.

Công ty Cổ phần Xây dựng số 3
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

10. Nợ xấu và nợ khó đòi

	30/6/2015			1/1/2015				
	Số ngày quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Số ngày quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Nợ quá hạn								
Sở Xây Dựng Thái Bình	Từ 6 tháng đến dưới 1 năm	24.369.371.800	-	24.369.371.800	Từ 6 tháng đến dưới 1 năm	-	-	-
Nhóm 1	Từ 6 tháng đến dưới 1 năm	16.193.341.896	-	16.193.341.896	Từ 6 tháng đến dưới 1 năm	-	-	-
Nhóm 2	Từ 1 năm đến dưới 2 năm	5.653.729.617	-	5.653.729.617	Từ 1 năm đến dưới 2 năm	21.390.126.864	-	21.390.126.864
Nhóm 3	Từ 2 năm đến dưới 3 năm	16.739.695.532	2.063.471.066	14.676.224.466	Từ 2 năm đến dưới 3 năm	3.624.144.956	2.950.863.307	673.281.649
Nhóm 4	Trên 3 năm	36.162.255.026	27.191.898.165	8.970.356.861	Trên 3 năm	33.015.609.990	25.855.592.703	7.160.017.287
		99.118.393.871	29.255.369.231	69.863.024.640		58.029.881.810	28.806.456.010	29.223.425.800

Trong đó:

Dự phòng phải thu khó đòi – ngắn hạn	29.255.369.231	28.806.456.010
--------------------------------------	----------------	----------------

Công ty Cổ phần Xây dựng số 3
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

11. Hàng tồn kho

	30/6/2015		1/1/2015	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên vật liệu	5.660.492.067	-	5.865.776.644	-
Công cụ và dụng cụ	170.050.318	-	176.828.318	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	469.645.419.777	3.821.540.378	489.583.999.593	-
Thành phẩm	729.676.113	42.992.969	1.896.292.832	42.992.969
	476.205.638.275	3.864.533.347	497.522.897.387	42.992.969

Trong hàng tồn kho tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 có 325 triệu VND thành phẩm và 3.822 triệu VND chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (1/1/2015: 325 triệu VND thành phẩm) được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Công ty Cổ phần Xây dựng số 3**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

12. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa VND	Máy móc và thiết bị VND	Dụng cụ văn phòng VND	Phương tiện vận chuyển VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu kỳ	20.092.415.650	27.793.956.046	729.228.617	29.178.330.018	77.793.930.331
Tăng trong kỳ	-	845.594.545	-	-	845.594.545
Thanh lý	-	(461.699.634)	-	-	(461.699.634)
Số dư cuối kỳ	20.092.415.650	28.177.850.957	729.228.617	29.178.330.018	78.177.825.242
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	7.999.542.980	21.129.476.142	634.613.530	19.756.387.377	49.520.020.029
Khấu hao trong kỳ	434.582.890	660.861.624	22.184.000	1.063.210.286	2.180.838.800
Thanh lý	-	(461.699.634)	-	-	(461.699.634)
Số dư cuối kỳ	8.434.125.870	21.328.638.132	656.797.530	20.819.597.663	51.239.159.195
Giá trị còn lại					
Số dư đầu kỳ	12.092.872.670	6.664.479.904	94.615.087	9.421.942.641	28.273.910.302
Số dư cuối kỳ	11.658.289.780	6.849.212.825	72.431.087	8.358.732.355	26.938.666.047

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 có các tài sản có nguyên giá 20.704 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2015: 18.756 triệu VND).

Công ty Cổ phần Xây dựng số 3
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

13. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Thương hiệu Vinaconex VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ và cuối kỳ	4.375.894.383	315.000.000	4.690.894.383
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	793.019.234	292.468.000	1.085.487.234
Khấu hao trong kỳ	43.758.944	15.750.000	59.508.944
Số dư cuối kỳ	836.778.178	308.218.000	1.144.996.178
Giá trị còn lại			
Số dư đầu kỳ	3.582.875.149	22.532.000	3.605.407.149
Số dư cuối kỳ	3.539.116.205	6.782.000	3.545.898.205

14. Bất động sản đầu tư

	30/6/2015 VND	1/1/2015 VND
Bất động sản đầu tư cho thuê (a)	55.034.137.724	56.721.210.724
Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá (b)	7.242.138.000	7.242.138.000
	62.276.275.724	63.963.348.724

Công ty Cổ phần Xây dựng số 3
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(a) Bất động sản đầu tư cho thuê

	Nhà cửa VND
Nguyên giá	
Số dư đầu kỳ và cuối kỳ	86.631.994.392
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu kỳ	29.910.783.668
Khấu hao trong kỳ	1.687.073.000
Số dư cuối kỳ	31.597.856.668
Giá trị còn lại	
Số dư đầu kỳ	56.721.210.724
Số dư cuối kỳ	55.034.137.724

Bất động sản đầu tư cho thuê của Công ty là cơ sở hạ tầng tại chợ Thương (Bắc Giang), chợ Phương Lâm (Hòa Bình) và chợ Bo (Thái Bình).

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư cho thuê không được xác định bởi vì không có một giao dịch gần đây trên thị trường cho bất động sản tương tự và nằm cùng địa điểm với bất động sản đầu tư của Công ty.

(b) Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá

Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá của Công ty là giá trị thừa đất tại ô số 57 Lô C Khu đô thị Đại Kim, Hà Nội.

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư chờ tăng giá không được xác định bởi vì không có một giao dịch gần đây trên thị trường cho bất động sản tương tự và nằm cùng địa điểm với bất động sản đầu tư của Công ty.

Công ty Cổ phần Xây dựng số 3**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***15. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn**

	30/6/2015		1/1/2015	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Dự án Minh Cầu – Thái Nguyên	150.803.693.952	150.803.693.952	149.290.467.868	149.290.467.868
Dự án Đường Trung Văn	66.687.088.237	66.687.088.237	66.479.369.572	66.479.369.572
	217.490.782.189	217.490.782.189	215.769.837.440	215.769.837.440

16. Xây dựng cơ bản dở dang

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2015 VND	30/6/2014 VND
Số dư đầu kỳ	1.565.398.136	2.454.745.333
Xóa sổ	-	(889.347.197)
Số dư cuối kỳ	1.565.398.136	1.565.398.136

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	30/6/2015 VND	1/1/2015 VND
Dự án Kho Thụy Phương	1.352.936.500	1.352.936.500
Chi phí xây dựng cơ bản khác	212.461.636	212.461.636
	1.565.398.136	1.565.398.136

17. Chi phí trả trước dài hạn

	Công cụ và dụng cụ VND
Số dư đầu kỳ	4.233.982.603
Tăng trong kỳ	534.164.012
Phân bổ trong kỳ	(1.269.665.824)
Số dư cuối kỳ	3.498.480.791

Công ty Cổ phần Xây dựng số 3**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***18. Các khoản phải trả người bán****Phải trả người bán chi tiết theo kỳ hạn thanh toán**

	30/6/2015	1/1/2015
	Giá gốc và số có khả năng trả nợ VND	Giá gốc và số có khả năng trả nợ VND
Ngắn hạn	14.424.206.155	38.636.293.257
Dài hạn	63.138.905.467	81.373.083.879
	77.563.111.622	120.009.377.136

19. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**(a) Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước**

	1/1/2015	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	30/6/2015
	VND	VND	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	153.672.462	(2.265.940.524)	4.216.686.581	2.104.418.519
Thuế thu nhập doanh nghiệp ấn định từ các khoản khách hàng trả tiền trước	5.093.377.625	-	664.383.653	5.757.761.278
Thuế nhà đất	273.790.350	-	214.422.075	488.212.425
	5.520.840.437	(2.265.940.524)	5.095.492.309	8.350.392.222

(b) Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	1/1/2015	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	30/6/2015
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	8.008.779.565	10.856.506.768	(16.620.174.793)	2.245.111.540
Thuế thu nhập cá nhân	178.973.018	123.634.751	(270.466.850)	32.140.919
Thuế tài nguyên	149.899.988	273.406.715	(312.673.767)	110.632.936
Các loại thuế khác	222.799.283	10.000.000	(11.785.066)	221.014.217
	8.560.451.854	11.263.548.234	(17.215.100.476)	2.608.899.612

Công ty Cổ phần Xây dựng số 3

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

20. Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/6/2015	1/1/2015
	VND	VND
Trích trước chi phí công trình 15T2, nhà 21 tầng – Dự án 310 Minh Khai	11.876.958.225	16.872.819.128
Chi phí lãi vay	-	46.887.289
Chi phí phải trả khác	1.385.376.418	227.072.638
	<hr/>	<hr/>
	13.262.334.643	17.146.779.055
	<hr/>	<hr/>

21. Doanh thu chưa thực hiện

(a) Doanh thu chưa thực hiện – ngắn hạn

	30/6/2015	1/1/2015
	VND	VND
Phần doanh thu chưa thực hiện dài hạn sẽ được thực hiện trong vòng 12 tháng	3.183.090.000	3.183.090.000
	<hr/>	<hr/>

(b) Doanh thu chưa thực hiện – dài hạn

	30/6/2015	1/1/2015
	VND	VND
Dự án chợ Phương Lâm (Hoà Bình)	23.504.618.521	24.036.038.021
Dự án chợ Thương (Bắc Giang)	19.375.035.069	19.938.187.569
Dự án chợ Bo (Thái Bình)	10.006.331.564	10.503.304.564
	<hr/>	<hr/>
	52.885.985.154	54.477.530.154
Phần doanh thu sẽ được thực hiện trong vòng 12 tháng	(3.183.090.000)	(3.183.090.000)
	<hr/>	<hr/>
Phần doanh thu sẽ được thực hiện sau 12 tháng	49.702.895.154	51.294.440.154
	<hr/>	<hr/>

Doanh thu chưa thực hiện thể hiện doanh thu phát sinh từ tiền nhận trước về cho thuê các ki-ốt của Công ty và công ty con tại chợ Phương Lâm, chợ Thương và chợ Bo.

Công ty Cổ phần Xây dựng số 3
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

22. Các khoản phải trả, phải nộp khác

(a) Phải trả ngắn hạn khác

	30/6/2015	1/1/2015
	VND	VND
Kinh phí bảo trì toà nhà CT2 – Dự án 304 Trung Văn	13.161.382.033	12.683.555.235
Kinh phí bảo trì toà nhà 15T1 và 15T2 – Dự án 310 Minh Khai	10.460.705.835	10.650.634.432
Cổ tức phải trả	11.901.800.030	1.100.030
Phải trả các đội thi công	2.938.733.806	7.504.958.173
Kinh phí công đoàn	254.651.211	150.428.207
Bảo hiểm xã hội	246.211.383	297.500.187
Các khoản phải trả, phải nộp khác	4.379.963.748	4.195.629.049
	<hr/>	<hr/>
	43.343.448.046	35.483.805.313
	<hr/>	<hr/>

(b) Phải trả dài hạn khác

	30/6/2015	1/1/2015
	VND	VND
Các khoản nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	12.086.900.000	5.310.000.000
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Xây dựng số 3

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

23. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Công ty và công ty con theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty và công ty con. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ như sau:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2015	30/6/2014
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	3.137.638.510	5.539.693.463
Trích lập trong kỳ	3.500.000.000	1.228.276.047
Sử dụng trong kỳ	(2.768.787.000)	(1.057.144.000)
Số dư cuối kỳ	<u>3.868.851.510</u>	<u>5.710.825.510</u>

Công ty Cổ phần Xây dựng số 3
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

24. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1/1/2014	80.000.000.000	54.018.600.532	(2.395.834.172)	44.614.310.595	16.957.574.266	126.108.219	11.279.250.857	204.600.010.297
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	-	7.553.776.349	7.553.776.349
Phân bổ vào quỹ	-	-	-	-	-	-	(1.228.276.047)	(1.228.276.047)
Khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	-	(7.933.800.000)	(7.933.800.000)
Cổ tức (Thuyết minh 26)	-	-	-	-	-	-	-	-
Thù lao hội đồng quản trị và ban kiểm soát	-	-	-	-	-	-	(276.000.000)	(276.000.000)
Số dư tại ngày 30/6/2014	80.000.000.000	54.018.600.532	(2.395.834.172)	44.614.310.595	16.957.574.266	126.108.219	9.394.951.159	202.715.710.599
<i>Số dư tại ngày 1/1/2015 (đã báo cáo trước đây)</i>	80.000.000.000	54.018.600.532	(2.395.834.172)	44.614.310.595	16.957.574.266	88.108.219	19.417.046.562	212.699.806.002
<i>Phân loại lại (Thuyết minh 38)</i>	-	-	-	16.957.574.266	(16.957.574.266)	-	-	-
Số dư tại ngày 1/1/2015 – đã phân loại lại	80.000.000.000	54.018.600.532	(2.395.834.172)	61.571.884.861	-	88.108.219	19.417.046.562	212.699.806.002
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	-	8.037.585.403	8.037.585.403
Phân bổ vào quỹ	-	-	-	-	-	-	(3.500.000.000)	(3.500.000.000)
Khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	-	(11.900.700.000)	(11.900.700.000)
Cổ tức (Thuyết minh 26)	-	-	-	-	-	-	-	-
Thù lao hội đồng quản trị và ban kiểm soát	-	-	-	-	-	-	(276.000.000)	(276.000.000)
Sử dụng các quỹ	-	-	-	-	-	(31.500.000)	-	(31.500.000)
Số dư tại ngày 30/6/2015	80.000.000.000	54.018.600.532	(2.395.834.172)	61.571.884.861	-	56.608.219	11.777.931.965	205.029.191.405

Công ty Cổ phần Xây dựng số 3
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

25. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	30/6/2015		1/1/2015	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	8.000.000	80.000.000.000	8.000.000	80.000.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	8.000.000	80.000.000.000	8.000.000	80.000.000.000
Cổ phiếu quỹ				
Cổ phiếu phổ thông	66.200	2.395.834.172	66.200	2.395.834.172
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	7.933.800	79.338.000.000	7.933.800	79.338.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

26. Cổ tức

Tại cuộc họp ngày 24 tháng 3 năm 2015, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức 11.901 triệu VND từ lợi nhuận sau thuế năm 2014 (giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014: 7.934 triệu VND).

27. Các quỹ thuộc nguồn vốn chủ sở hữu

(a) Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Các quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai. Khi quỹ được sử dụng để phát triển kinh doanh, khoản tiền đã sử dụng được chuyển sang Vốn cổ phần.

(b) Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu

Quỹ khác được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm sử dụng cho mục đích đào tạo của Công ty và công ty con.

Công ty Cổ phần Xây dựng số 3
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

28. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

Tài sản thuê ngoài

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được huỷ ngang như sau:

	30/6/2015	1/1/2015
	VND	VND
Trong vòng một năm	636.121.965	174.050.590
Trong vòng hai đến năm năm	2.544.487.860	696.202.360
Sau năm năm	16.447.860.278	2.862.676.745
	<hr/>	<hr/>
	19.628.470.103	3.732.929.695
	<hr/>	<hr/>

29. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2015	30/6/2014
	VND	VND
Kinh doanh bất động sản	115.497.581.199	151.162.105.806
Hợp đồng xây dựng	62.336.446.028	28.744.239.835
Bán hàng hoá	22.143.035.556	16.311.030.013
Cung cấp dịch vụ	8.982.316.501	13.048.594.211
	<hr/>	<hr/>
	208.959.379.284	209.265.969.865
	<hr/>	<hr/>

30. Giá vốn hàng bán

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2015	30/6/2014
	VND	VND
Bất động sản đã bán	99.190.075.993	133.926.282.267
Hợp đồng xây dựng	60.373.642.992	27.252.143.192
Hàng hoá đã bán	21.255.446.621	14.660.855.282
Cung cấp dịch vụ	9.174.439.547	11.442.707.620
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	3.821.540.378	-
	<hr/>	<hr/>
	193.815.145.531	187.281.988.361
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Xây dựng số 3**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***31. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2015	30/6/2014
	VND	VND
Lãi tiền gửi và cho vay	3.819.509.289	324.963.921
Cổ tức được chia	-	420.000.000
	<hr/>	<hr/>
	3.819.509.289	744.963.921

32. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2015	30/6/2014
	VND	VND
Chi phí nhân viên	5.673.072.831	4.729.138.029
Chi phí đồ dùng văn phòng	115.373.059	122.711.273
Chi phí khấu hao	478.615.536	585.621.883
Thuế, phí và lệ phí	229.586.482	240.332.815
Chi phí dự phòng	448.913.221	3.882.334.826
Chi phí dịch vụ mua ngoài	249.065.694	352.809.057
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	1.589.445.246	697.384.109
	<hr/>	<hr/>
	8.784.072.069	10.610.331.992

33. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2015	30/6/2014
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	99.308.608.669	101.750.625.429
Chi phí nhân công	38.911.262.738	21.326.238.597
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.927.420.744	3.929.626.033
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.222.093.230	1.592.065.474
Chi phí bằng tiền khác	25.169.332.447	7.526.981.118

Công ty Cổ phần Xây dựng số 3**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***34. Thuế thu nhập****(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất**

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2015	30/6/2014
	VND	VND
Chi phí thuế hiện hành		
Kỳ hiện hành	2.265.940.524	2.012.090.765

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2015	30/6/2014
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	10.303.525.927	9.565.867.114
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	2.265.940.524	2.104.490.765
Thu nhập không bị tính thuế	-	(92.400.000)
	2.265.940.524	2.012.090.765

(c) Thuế suất áp dụng

Công ty và công ty con có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 22% trên lợi nhuận tính thuế cho năm 2014 và 2015, và mức này sẽ giảm xuống 20% từ năm 2016.

Công ty Cổ phần Xây dựng số 3**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***35. Lãi trên cổ phiếu****(a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho giai đoạn kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông là 8.037.585.403 VND (30/6/2014: 7.553.776.349 VND) và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền là 7.933.800 cổ phiếu (30/6/2014: 7.933.800 cổ phiếu), chi tiết như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2015	30/6/2014
	VND	VND
Lợi nhuận thuần trong kỳ	8.037.585.403	7.553.776.349
Số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	8.037.585.403	7.553.776.349

(*) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, Công ty chưa ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 có thể được phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi do việc phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của cả năm 2015 và phải được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt. Nếu Công ty trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015, lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông sẽ giảm đi.

(ii) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	30/6/2015	30/6/2014
	VND	VND
Lợi nhuận thuần hợp nhất thuộc về các cổ đông	8.037.585.403	7.553.776.349
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ	7.933.800	7.933.800
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.013	952

Công ty Cổ phần Xây dựng số 3**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***36. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính, trong kỳ Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2015 VND	30/6/2014 VND
Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam		
Chi trả cổ tức	-	2.040.000.000
Công ty Tài chính Cổ phần Vinaconex - Viettel		
Lãi vay	-	1.051.801.168
Công ty Cổ phần Ống sợi Thủy tinh Vinaconex Cổ tức		
	-	420.000.000
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Xây dựng và Ứng dụng Công nghệ mới		
Mua hàng	160.000.000	145.454.546
Thành viên Hội đồng Quản trị		
Tiền lương và thưởng	369.610.000	307.972.000
Ban Giám đốc		
Tiền lương và thưởng	793.045.000	568.375.000

Công ty Cổ phần Xây dựng số 3

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

37. Sự kiện sau ngày trên bảng cân đối kế toán

Thay đổi chủ sở hữu

Căn cứ theo Công văn số 2042/UBCK-PTTT ngày 27 tháng 4 năm 2015 và Thông báo của Trung Tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam ngày 24 tháng 7 năm 2015, quyền sở hữu 4.080.000 cổ phiếu VC3 loại chứng khoán tự do chuyển nhượng đã được chuyển nhượng từ Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam sang các cổ đông khác bao gồm Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư Bất động sản An Phát (1.920.000 cổ phiếu), ông Nguyễn Thanh Phương (1.360.000 cổ phiếu) và ông Nguyễn Hoài Anh (800.000 cổ phiếu). Theo đó, những thay đổi nhân sự trọng yếu diễn ra sau ngày lập báo cáo soát xét như sau:

- Ngày 27 tháng 7 năm 2015: Bãi nhiệm ông Nguyễn Lưu Thụy và bà Đái Ngân Hà, bổ nhiệm ông Nguyễn Thanh Phương và ông Nguyễn Ngọc Quỳnh làm thành viên Hội đồng Quản trị;
- Ngày 28 tháng 7 năm 2015: Bãi nhiệm ông Vũ Quý Hà và ông Nguyễn Nam Hải, bổ nhiệm ông Nguyễn Hoài Anh và ông Lê Quang Đức làm thành viên Hội đồng Quản trị;
- Ngày 29 tháng 7 năm 2015: Bãi nhiệm ông Đinh Tiến Nhượng và bổ nhiệm ông Nguyễn Thanh Phương làm chủ tịch Hội đồng Quản trị.
- Ngày 29 tháng 7 năm 2015: Bãi nhiệm ông Nguyễn Nam Hải và bổ nhiệm ông Đinh Tiến Nhượng làm Tổng Giám đốc. Các thành viên khác của Ban Giám đốc không thay đổi.

Công ty Cổ phần Xây dựng số 3
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

38. Số liệu so sánh

Như đã trình bày trong Thuyết minh 3, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015 Công ty và công ty con áp dụng Thông tư 200 và Thông tư 202. Do việc thay đổi chính sách kế toán này, việc trình bày một số khoản mục báo cáo tài chính có thay đổi. Một số số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2015 đã được phân loại lại để phù hợp với quy định trong Thông tư 200 và Thông tư 202 về trình bày báo cáo tài chính. Thêm vào đó, một số số liệu so sánh được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày trong kỳ hiện hành. Bảng so sánh số liệu đã trình bày trong kỳ trước, trước và sau khi được phân loại lại như sau:

Bảng cân đối kế toán

	1/1/2015 (phân loại lại)	1/1/2015 (theo báo cáo trước đây)
	VND	VND
Phải thu về cho vay ngắn hạn	13.000.000.000	-
Phải thu ngắn hạn khác	95.362.561.365	32.837.522.590
Hàng tồn kho	497.522.897.387	646.813.365.255
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	5.520.840.437	427.462.812
Tài sản ngắn hạn khác	-	80.618.416.400
Phải thu dài hạn khác	83.722.640	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn	215.769.837.440	-
Xây dựng cơ bản dở dang	1.565.398.136	68.044.767.708
Tài sản dài hạn khác	-	83.722.640
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	681.568.899.597	830.226.475.495
Vay ngắn hạn	-	1.707.987.375
Doanh thu chưa thực hiện – ngắn hạn	3.183.090.000	-
Người mua trả tiền trước dài hạn	150.365.563.273	-
Doanh thu chưa thực hiện – dài hạn	51.294.440.154	54.477.530.154
Quỹ dự phòng tài chính	-	16.957.574.266
Quỹ đầu tư phát triển	61.571.884.861	44.614.310.595

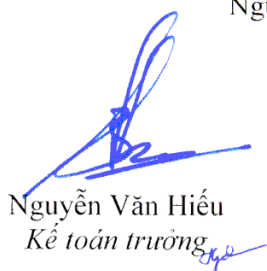
Ngày 28 tháng 8 năm 2015

Người lập:



Lê Cao Khả
 Người lập biểu

Người duyệt:



Nguyễn Văn Hiếu
 Kế toán trưởng



Nguyễn Thanh Phương
 Chủ tịch Hội đồng Quản trị